TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2022/DS-PT
Ngày: 15-6-2022
V/v tranh chấp quyền sở hữu tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Phương.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân.

Ông Lê Văn Duy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Xuân Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2022/TLPT-DS ngày 27 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp quyền sở hữu tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2022/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã A, tỉnh B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 111/2022/QĐXXPT-DS ngày 05tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh S; cư trú tại: Xóm T, thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh B; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Tạ Văn Th, sinh năm 1972; cư trú tại: Xóm T, thôn Th, xã N, thị xã A, tỉnh B; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Th: Luật sư Lê Văn K hoạt động tại Công ty Luật TNHH - MTV S - Q chi nhánh tại A, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Tạ Văn K, sinh năm; cư trú tại: Xóm T, thôn Th, xã Nhơn Th, thị xã A, tỉnh B.

Đại diện hợp pháp của ông K: Ông Tạ Văn Th cư trú tại: Xóm T, thôn Th, xã N, thị xã A, tỉnh B là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 09/6/2022).

2. Bà Tạ Thị P; cư trú tại: Xóm T, thôn Th, xã N, thị xã A, tỉnh B.

3. Bà Tạ Thị L; cư trú tại: Xóm T, thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh B.

4. Bà Tạ Thị Q; cư trú tại: Thôn A, xã N, thị xã A, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P, bà L, bà Q: Ông Tạ Văn K và ông Tạ Văn Th (Theo văn bản ủy quyền ngày 15/02/2022); ông Tạ Văn Th có mặt, ông Tạ Văn K vắng mặt.

5. Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã A; địa chỉ trụ sở: Số 75 đường L, phường B, thị xã A, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã A: Ông Nguyễn Thanh H, chức vụ: Giám đốc Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã A là người đại diện theo pháp luật (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Tạ Văn Th là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Huỳnh Strình bày: Thửa đất số 91, diện tích 7.646,1m^2, trong thời gian những năm 1980 Hợp tác xã nông nghiệp 2 Nhơn T (viết tắt là Hợp tác xã) quản lý. Năm 1982 ông được Hợp tác xã giao diện tích đất này để ông quản lý sử dụng trồng trọt và ông đã trồng dừa nhưng do dịch kiến dương phá hoại nên việc trồng dừa không có hiệu quả. Ông chuyển sang trồng keo lai từ năm 1998 và liên tục, cho đến năm 2020 thì Ủy ban nhân dân (nay viết tắt là UBND) thị xã A có Quyết định số 5584/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2020, về việc "Phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình: Khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến trồng cây ăn quả và các cây dược liệu. Địa điểm: Thôn T, xã N, thị xã A". Lúc này ông Tạ Xuân B (chết vào tháng 7/2021) là người cùng địa phương với ông tranh chấp đòi chia tiền bồi thường diện tích đất mà ông đã canh tác. Tổng số tiền đất bồi thường là 197.642.880đ, ông B đòi chia 50% số tiền trên vì ông B cho rằng ông B có trích lục cũ của thửa đất này. Nhưng thửa đất này ông B đã hiến vào Hợp tác xã vào năm 1980, ông đã canh tác sử dụng liên tục từ năm 1982 cho đến khi UBND thị xã A ban hành Quyết định số 5584/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2020 thì không có ai tranh chấp với ông. Thửa đất này do UBND xã N quản lý nên chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai.

Ông yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã A giải quyết công nhận quyền sở hữu tài sản là số tiền hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với thửa đất số 91, diện tích 7.646,1m^2, tọa lạc tại thôn T, xã N, thị xã A mà ông đã sử dụng canh tác liên tục từ năm 1982 đến năm 2020 với số tiền 197.642.880đ. Ngoài ra ông không còn trình bày gì thêm và không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Tạ Văn Th và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Thừa, ông Lê Văn Kh thống nhất trình bày: Ông là con của ông Tạ Xuân B. Cha ông chết ngày 21/7/2021. Mẹ ông và ông bà nội ông đều chết trước cha ông. Hàng thừa kế thứ nhất của cha ông gồm: Tạ Thị Q, Tạ Thị L, Tạ Thị P, Tạ Văn K và ông

là Tạ Văn Th. Ngoài ra cha mẹ ông không có con nuôi, con riêng nào khác. Thửa đất số 91, diện tích bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng là 7.646,1m^2 hiện nay chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Nguồn gốc của thửa đất 91 có từ thời chế độ cũ và cha ông không hiến cho Hợp tác xã. Thời điểm khoảng năm 1984, ông Huỳnh S và cha ông có thỏa thuận bằng lời nói về việc canh tác trên thửa đất này. Theo thỏa thuận, ông Sơn thay cha ông canh tác trên thửa đất này, người có đất (cha ông) hưởng 40%, người trồng hoa màu trên đất (ông S) hưởng 60%. Về sau, cha ông có đòi lại quyền canh tác thửa đất nhưng ông S không trả. Việc đòi lại quyền canh tác thửa đất chỉ thông qua lời nói, không yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Đến năm 2020, Nhà nước có phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng để thực hiện công trình: "Khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến trồng cây ăn quả và các cây dược liệu" thì giữa ông Huỳnh S và cha ông mới xảy ra tranh chấp về số tiền bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng. Vào thời điểm năm 2020 thì ông Huỳnh S là người đang trồng keo trên thửa đất này.

Vào thời điểm năm 2020, khi tổ công tác về bồi thường giải phóng mặt bằng gọi các chủ đất kê khai để bồi thường thì ông Huỳnh S thống nhất trả lại đất cho cha ông (bằng lời nói, có 06 người trong tổ công tác đều biết) nên cha ông Tạ Xuân B là người kê khai và đứng tên trong Thông báo của Hội đồng giải phóng mặt bằng, "Về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng để thực hiện dự án Khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến trồng cây ăn quả và các cây dược liệu. Địa điểm: Thôn T, xã N, thị xã A".

Nay ông Huỳnh S tranh chấp số tiền bồi thường hỗ trợ về đất là 197.642.880đ thì ông xác định số tiền này thuộc quyền sở hữu của gia đình ông vì cha ông là người chủ sử dụng hợp pháp của thửa đất 91.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tạ Văn K trình bày:

Ông thống nhất trình bày của bị đơn. Ngoài ra ông không có ý kiến gì khác.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tạ Thị P, bà Tạ Thị L, bà Tạ Thị Q là ông Tạ Văn Th và ông Tạ Văn K thống nhất trình bày:

Các ông thống nhất như trình bày của bị đơn. Ngoài ra, các ông có ý kiến gì khác.

Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã A, ông do ông Lê Quang T - Phó Giám đốc trình bày:

Tổng số tiền hỗ trợ bồi thường giải phóng mặt bằng là 309.284.880đ (trong đó hỗ trợ về đất là 197.642.880đ và hỗ trợ về hoa màu là 111.642.000đ). Số tiền này hiện nay do Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã A giữ và chưa giao cho ai vì hiện nay có tranh chấp. Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã A căn cứ vào Bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án để tiến hành giao số tiền hỗ trợ bồi thường giải phóng mặt bằng cho người có quyền sở hữu.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2022/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã A, tỉnh B đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh S. Công nhận số tiền bồi thường về đất là 197.642.880đ *(Một trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn tám trăm tám mươi đồng)* thuộc quyền sở hữu của ông Huỳnh S.

Bác yêu cầu của ông Tạ Văn Th về việc cho rằng số tiền bồi thường về đất là 197.642.880đ *(Một trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn tám trăm tám mươi đồng)* thuộc quyền sở hữu của hàng thừa kế thứ nhất của ông Tạ Xuân Ba.

2. Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã A có nghĩa vụ giao cho ông Huỳnh S số tiền 197.642.880đ *(Một trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn tám trăm tám mươi đồng)* khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 30/3/2022, ông Tạ Văn Th kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu của ông Sơn và công nhận quyền sở hữu tài sản là của ông Th.

Luật sư Lê Văn Kh trình bày luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Th: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận một phần kháng cáo của ông Th, cho ông S và ông Th mỗi người được sở hữu ½ số tiền 197.642.800đ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về Tố tụng: Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông Tạ Văn Th. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2022/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Tạ Văn Th, HĐXX thấy rằng: Trong nội dung Phương án về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình: Khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến trồng cây ăn quả và các cây dược liệu; địa điểm: Thôn T, xã N, thị xã A năm 2020 và Biên bản xác minh tại UBND xã N ngày 05/01/2022 cũng như Biên bản lấy lời khai người làm chứng là ông Lê Văn B (nguyên là Chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp N) ngày 23/02/2022 và theo bản đồ địa chính năm 1983 thì thửa đất số 91, tờ bản đồ số 9 theo hiện trạng hiện nay thuộc các thửa 127, 129, tờ bản đồ số 9, theo bản đồ quản lý địa chính năm 1993 thì thuộc các thửa đất 547, 548, 582 và 583, tờ bản đồ số 9 (BL: 20, 57, 82) do Hợp tác xã nông nghiệp N quản lý. Như vậy, có thể khẳng định thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc trước năm 1981 là do ông Tạ Xuân B canh tác, sau năm 1981là do Hợp tác xã nông nghiệp N quản lý, từ năm 1984 đến năm 2020 thì Hợp tác xã nông nghiệp N giao cho ông Huỳnh S là thành viên trong đội sản xuất canh tác. Do

đó, các bên tranh chấp tiền bồi thường về đất là không có căn cứ vì đất đang tranh chấp là đất thuộc sự quản lý của Nhà nước, mà thực chất số tiền 197.642.880 đồng các bên đang tranh chấp là tiền *"Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm"* được ghi nhận trong nội dung Phương án về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình neu trên (BL:18). Ông Huỳnh S là người canh tác trên thửa đất liên tục từ năm 1984 cho tới khi Nhà nước thu hồi đất vào năm 2020 nên theo quy định của pháp luật, thì người trực tiếp canh tác trên đất sẽ là người được nhận tiền*"Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm"*. Vì vậy, cấp sơ thẩm công nhận số tiền 197.642.880 đồng thuộc quyền sở hữu của ông Huỳnh S là có cơ sở.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, không có chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án nên kháng cáo của ông Tạ Văn Th không được Hội Đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận. Giữ nguyên sửa Bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông Tạ Văn Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn của Luật sư là không phù hợp với nhận định của HĐXX nên không được xét xử.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định về việc tuân thủ pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng cũng như về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Tạ Văn Th. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2022/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã A, tỉnh B.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông ta Văn Th phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu số: 0005187 ngày 04/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh B;
- TAND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Công Phương

THÀNH VIÊN HĐXX **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Xuân **Lê Văn Duy** **Võ Công Phương**